

Số: 41/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2026/TLST - DS ngày 02 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Bùi Kim P**, sinh ngày 08/3/1967

Căn cước công dân số: 096 167 005 197, cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ: Khóm A, Phường X, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Anh Đặng Văn K**, sinh ngày 15/12/1978. Căn **cước** số: 083 078 004 707, cấp ngày 16/7/2025. Địa chỉ: Số 088/Mh, ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2025).

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Như M**, sinh ngày 17/9/1981

Căn cước công dân số: 083 181 013 366, cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: 137/AT, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Như M thừa nhận còn nợ và đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Kim P số tiền nợ hui là 262.600.000 đồng (Hai trăm, sáu mươi hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Kim P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Như M trả lãi suất của số tiền nêu trên.

2.3. Thời gian thực hiện:

Trả khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 10/3/2026).

2.4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của **người được thi hành án** (đối với các khoản tiền phải trả cho **người được thi hành án**) cho đến khi thi hành án xong, **bên phải thi hành án** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

a/ Bà Nguyễn Thị Như M **có nghĩa vụ** chịu là 3.282.500 đồng (Ba triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

b/ Bà Bùi Kim P **tự nguyện** chịu là 3.282.500 đồng (Ba triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.565.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số **0001181** ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, **bà** Bùi Kim P được hoàn lại số tiền chênh lệch là 3.282.500 đồng (Ba triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

